

PHỤ LỤC I
DỰ KIẾN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LAI CHÂU
GIẢI ĐOẠN 2021-2025 SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Đề án "Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến 2030"
 phê duyệt tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
					Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
I	Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số				64.900	0	64.900	
1	Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số				20.000	0	20.000	
1.1	Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	20.000	0	20.000	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 09/01/2021 về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
2	Phát triển nền tảng số phục vụ chuyển đổi số				14.900	0	14.900	
2.1	Xây dựng, phát triển nền tảng thích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	14.900	0	14.900	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 09/01/2021 về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
3	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số				30.000	0	30.000	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
					Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
3.1	Xây dựng trung tâm lưu trữ điện tử và giám sát an ninh mạng tỉnh Lai Châu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	30.000	0	30.000	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 09/01/2021 về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
II	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số				30.000	0	30.000	
1	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	Các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc, các Ban Đảng tỉnh	2021-2025	30.000	0	30.000	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 09/01/2021 về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
III	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số				27.614	27.614	0	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	27.614	27.614	0	NSNN thuộc CTMT quốc gia theo QĐ 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021
TỔNG KINH PHÍ					122.514	27.614	94.900	

Ghi chú:

- Các nhiệm vụ, dự án nêu trên là dự kiến; trước khi triển khai cụ thể cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể tính cần thiết, tính phù hợp, tính hiệu quả và đảm bảo không đầu tư chồng chéo, trùng lặp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và cơ quan có thẩm quyền xem xét; quy trình, thủ tục triển khai đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT, triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT thực hiện theo các quy định hiện hành. Hằng năm, giao Sở TT&TT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung, đưa ra khỏi danh mục các nhiệm vụ, dự án không đảm bảo tính phù hợp, tính cần thiết, tránh đầu tư chồng chéo, trùng lặp gây lãng phí;

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
					Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	

PHỤ LỤC II
DỰ KIẾN DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LAI CHÂU
GIẢI ĐOẠN 2021-2025 SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP

*(Kèm theo Đề án "Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến 2030"
 phê duyệt tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
I	Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số			39.907	3.261	4.786	10.620	10.620	10.620	
1	Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số			23.143	2.821	3.912	5.470	5.470	5.470	
1.1	Triển khai cho 100% cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng. Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	17.883	1.721	3.562	4.200	4.200	4.200	Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; Quyết định số 304/QĐ-UBND
1.2	Mở rộng hệ thống hợp trực tuyến cho 100% cơ quan Đảng, chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy	Sở TT&TT; Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	5.260	1.100	350	1.270	1.270	1.270	- Căn cứ vào KH thuê của VP UBND tỉnh, VP Tỉnh ủy (1.100); - Căn cứ vào đề xuất của UBND huyện Tân Uyên năm 2023 - 2025 (120 + 50)
2	Phát triển nền tảng số phục vụ chuyển đổi số			0	0	0	0	0	0	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
2.1	Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.	Công an tỉnh	Sở TT&TT; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	0	0	0	0	0	0	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông
3	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số			14.661	440	421	4.600	4.600	4.600	
3.1	Đảm bảo cài đặt phần mềm phòng chống mã độc cho 100% các máy tính của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh	Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	12.150	75	75	4.000	4.000	4.000	- Năm 2021: Quyết định 1762/QĐ-UBND; - Năm 2022: Quyết định 304/QĐ-UBND; - Năm 2023 - 2025: Căn cứ vào số lượng máy tính của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc là 20.000 máy tính. Mỗi phần mềm diệt virus là 200.000
3.2	Tổ chức tập huấn, diễn tập an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	840	90	0	250	250	250	Tối thiểu 01 lớp diễn tập ATTT hàng năm.

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
3.3	Triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	1.671	275	346	350	350	350	Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/3/2022
4	Phát triển nguồn nhân lực cho chuyển đổi số			2.103	0	453	550	550	550	
4.1	Hàng năm, triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, lãnh đạo các hiệp hội, doanh nghiệp; tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông	2.103	0	453	550	550	550	-UBND huyện Tân Uyên đề xuất mỗi năm 350 triệu tại Công văn số 1027/UBND-VHTT. - Sở TTTT đề xuất 02 lớp đào tạo hàng năm, mỗi năm 100 triệu đồng căn cứ Vào Kế hoạch của tỉnh.
II	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số			98.056	7.978	34.478	13.000	13.500	29.100	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ hoạt động của các cơ quan trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành đô thị thông minh và giám sát an toàn, an ninh mạng để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... phục vụ kết nối, phân tích, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	17.390	1.478	3.912	3.400	4.000	4.600	Tổng hợp kinh phí căn cứ trên Quyết định 304/QĐ-UBND tỉnh; Kế hoạch Số 62-KH/TU ngày 28/12/2021
2	Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nội bộ của cơ quan như: Hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống báo cáo, hệ thống thư điện tử công vụ; các ứng dụng nghiệp vụ quản lý như tài chính, kế toán, quản lý nhân sự,... các ứng dụng chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; họp trực tuyến, làm việc từ xa...	Các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.		65.755	3.500	28.855	6.200	6.100	21.100	-Căn cứ Kế hoạch thuê đã được phê duyệt của Hệ thống QLVBDH, Hệ thống báo cáo. Kinh phí duy trì hệ thống thư điện tử. - Căn cứ đề xuất mục 5 thực IV Công văn 1027/UBND Tân Uyên

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
3	Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho người dùng.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	14.911	3.000	1.711	3.400	3.400	3.400	Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND
III	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số			22.267	0	0	9.587	8.372	4.308	
1	Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp của tỉnh để nâng cao năng lực cạnh tranh; tạo thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phát triển các nền tảng phục vụ chuyển đổi số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh	1.620	0	0	540	540	540	QĐ 1784/QĐ-UBND ngày 30/12/2021
2	Nâng cấp Sàn giao dịch thương mại điện tử.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công thương	700	0	0	700	0	0	Theo đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư.
3	Triển khai hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, ngân sách	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	10.427	0	0	2.281	4.378	3.768	-Theo Công văn số 833/STC-TCHTSN ngày 08/6/2022.

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
4	Triển khai hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	9.520	0	0	6.066	3.454	0	-Theo Công văn số 833/STC-TCHTSN ngày 08/6/2022.
IV	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số			24.736	0	688	16.519	4.864	2.664	
1	Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số; đào tạo, hướng dẫn, phổ cập thông tin, kỹ năng số, bao gồm kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng, kỹ năng ứng xử trên môi trường mạng, sử dụng các dịch vụ số của tỉnh.	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	1.800	0	0	600	600	600	Kế hoạch số 3278/KH-UBND ngày 13/10/2021; Công văn số 1207/UBND-VHTT của Tân Uyên
2	Xây dựng Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để quản lý tập trung các đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, bảng tin điện tử công cộng và các phương tiện thông tin cơ sở khác trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố.	10.855	0	0	10.855	0	0	- Đề xuất theo nhiệm vụ giao riêng cho tỉnh Lai Châu tại Kế hoạch số 27/QĐ-UBQGCDs ngày 15/3/2022. - Dự toán kèm theo
3	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự (54 xã vùng đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	6.881	0	688	2.064	2.064	2.064	-NSNN thuộc CTMT quốc gia theo QĐ 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
4	Xây dựng phần mềm Quản lý lao động việc làm	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố.	3.000	0	0	3.000	0	0	- Theo đề xuất tại Công văn số 884/SLĐTBXH-VP ngày 23/6/2022. - Dự toán kèm theo
5	Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố.	2.200	0	0	0	2.200	0	-Theo đề xuất tại Công văn số 884/SLĐTBXH-VP ngày 23/6/2023. -Dự toán kèm theo
V	Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số			167.589	5.238	31.433	55.626	47.146	28.146	
1	Lĩnh vực giáo dục			21.000	0	0	7.000	7.000	7.000	
1.1	Triển khai dạy và học trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố.	9.000	0	0	3.000	3.000	3.000	- Theo đề xuất của Công văn 1148/SGDĐT ngày 08/6/2022;
1.2	Xây dựng các lớp học thông minh ứng dụng nền tảng đào tạo từ xa cho các cơ sở giáo dục phổ thông phục vụ giao ban, đào tạo, tập huấn, giảng dạy trực tuyến.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố.	12.000	0	0	4.000	4.000	4.000	- Theo đề xuất của Công văn 1148/SGDĐT ngày 08/6/2022;
2	Lĩnh vực nông nghiệp			20.141	0	2.000	5.047	9.547	3.547	
2.1	Xây dựng CSDL về trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố.	2.000	0	0	1.000	1.000	0	Theo đề xuất tại Công văn số 1110/SNN-VP ngày 10/6/2023

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
2.2	Thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố.	2.141	0	2.000	47	47	47	Theo đề xuất tại Công văn số 1110/SNN-VP ngày 10/6/2024
2.3	Xây dựng CSDL về thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố.	7.000	0	0	0	3.500	3.500	Theo đề xuất tại Công văn số 1110/SNN-VP ngày 10/6/2025
2.4	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát minh bạch thông tin, kết nối tiêu thụ sản phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố.	2.000	0	0	1.000	1.000	0	Theo đề xuất tại Công văn số 1110/SNN-VP ngày 10/6/2026
2.5	Hệ thống phát hiện sớm các điểm cháy rừng; Hệ thống cảnh báo cháy rừng; Trạm quan trắc giám sát, bảo vệ rừng; Hệ thống phân vùng trọng điểm cháy rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố.	7.000	0	0	3.000	4.000	0	Theo đề xuất tại Công văn số 1110/SNN-VP ngày 10/6/2027
4	Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics			7.000	0	0	5.000	2.000	0	
4.1	Triển khai hệ thống phần mềm quản lý điều hành, giám sát trật tự ATGT thuộc Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu.	Sở Giao thông vận tải	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thành phố.	7.000	0	0	5.000	2.000	0	-Theo đề xuất tại Công văn số 1286/SGTVT-KCHT ngày 05/8/2022 và sau khi thẩm định dự toán;
5	Lĩnh vực du lịch			21.618	5.238	1.335	4.135	5.455	5.455	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
5.1	Thuê hệ thống Du lịch thông minh tỉnh Lai Châu năm 2020	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	7.384	1.444	1.335	1.535	1.535	1.535	Theo đề xuất tại Công văn số 928/SVHTTDL-VP ngày 12/6/2022
5.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu số du lịch thông minh (cập nhật nội dung thông tin, bài viết hình ảnh điểm đến, sản phẩm dịch vụ, cơ sở dữ liệu du lịch...)	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	600	0	0	200	200	200	Theo đề xuất tại Công văn số 928/SVHTTDL-VP ngày 12/6/2023
5.3	Số hóa 3D các địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu đảm bảo 2025 hoàn thành số hóa 50% các điểm, bản du lịch cộng đồng đã được công nhận theo đề án bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc của tỉnh được số hóa 3D.	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	6.834	3.794	0	0	1.520	1.520	Theo đề xuất tại Công văn số 928/SVHTTDL-VP ngày 12/6/2024

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
5.4	<p>Triển khai Trung tâm quản lý điều hành du lịch thông minh (mở rộng tích hợp với IOC tỉnh Lai Châu).</p> <p>Hệ thống cung cấp các chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành du lịch tổng thể và toàn diện trên nền tảng số, liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý và các đơn vị cung cấp dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa nền tảng: web+mobile. - Phân hệ quản lý: <ul style="list-style-type: none"> + QL khu, điểm du lịch. + QL sp du lịch. + QL hđv du lịch. + QL doanh nghiệp lữ hành + QL cơ sở lưu trú + ... - Phân hệ bản đồ số: hiển thị thông tin các cơ sở lưu trú, địa điểm du lịch, dịch vụ... - Phân hệ thống kê, báo cáo phục quản lý, điều hành 	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	6.800	0	0	2.400	2.200	2.200	Theo đề xuất tại Công văn số 928/SVHTTDL-Vp ngày 12/6/2025
6	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường			58.000	0	20.000	23.000	13.000	2.000	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
6.1	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố.	50.000	0	20.000	20.000	10.000	0	Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 09/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia”
6.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố.	8.000	0	0	3.000	3.000	2.000	Theo Kế hoạch số 2249/KH-UBND ngày 30/7/2021
7	Lĩnh vực Y tế			39.830	0	8.098	11.444	10.144	10.144	
7.1	Nâng cấp hạ tầng phục kết nối các thiết bị y tế với hệ thống HIS, PACS và hệ thống đảm bảo an toàn an ninh mạng, an toàn dữ liệu, hệ thống lưu trữ dữ liệu y tế.	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố.	3.000	0	0	2.000	500	500	Theo Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 và Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế
7.2	Thuê hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo thực hiện mục tiêu "Tối thiểu 70% dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử". Chuẩn hóa, hoàn thiện hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân và mã định danh y tế theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Y tế; công khai cho người dân tra cứu, theo dõi.	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố.	5.774	0	1.774	1.200	1.400	1.400	Theo Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/03/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu;

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
7.3	Nâng cấp hệ thống phần mềm HIS (Hospital Information System - Hệ thống thông tin bệnh viện) theo hình thức thuê dịch vụ CNTT để đáp ứng việc triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, hạn chế sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử, hạn chế sử dụng tiền mặt.	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố.	24.696	0	4.734	6.654	6.654	6.654	Theo Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 và Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế
7.4	Triển khai ứng dụng hệ thống thông tin trạm y tế theo quy định trên 100% Trạm y tế xã, phường, thị trấn theo hình thức thuê dịch vụ CNTT	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố.	6.360	0	1.590	1.590	1.590	1.590	Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế, xã, phường, thị trấn;
7.5	Triển khai các nền tảng hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa, cho phép theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh, các thiết bị theo dõi sức khỏe và cán bộ y tế, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo.	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố.	0	0	0	0	0	0	Sử dụng hạ tầng mạng xã hội có sẵn

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
7.6	Triển khai các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tiếp nhận khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên ứng dụng bảo hiểm xã hội số - VssID, ứng dụng VNeID thay cho thẻ bảo hiểm y tế giấy.	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố.	0	0	0	0	0	0	Sử dụng hạ tầng, thiết bị có sẵn đã được đầu tư cho các cơ sở khám chữa bệnh
TỔNG KINH PHÍ				352.555	16.477	71.385	105.352	84.502	74.838	

Ghi chú: Các nhiệm vụ, dự án nêu trên là dự kiến; trước khi triển khai cụ thể cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể tính cần thiết, tính phù hợp, tính hiệu quả và đảm bảo không đầu tư chồng chéo, trùng lắp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và cơ quan có thẩm quyền xem xét; quy trình, thủ tục triển khai đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT, triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT thực hiện theo các quy định hiện hành. Hằng năm, giao Sở TT&TT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung, đưa ra khỏi danh mục các nhiệm vụ, dự án không đảm bảo tính phù hợp, tính cần thiết, tránh đầu tư chồng chéo, trùng lắp gây lãng phí.

PHỤ LỤC III
DỰ KIẾN DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2021-2025
SỬ DỤNG VỐN DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI HÓA

*(Kèm theo Đề án "Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến 2030"
 phê duyệt tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
I	Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số			
1	Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số			
1.1	Xây dựng, phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn băng thông rộng chất lượng cao; phối hợp với các doanh nghiệp nâng cấp mạng di động 4G, 5G.	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
1.2	Chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến bãi phục vụ vận tải và logistics	Các đơn vị vận tải, kho bãi	Sở Giao thông vận tải; Sở Thông tin và Truyền thông	
II	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số			
1	Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ bưu chính nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai các giải pháp kết nối với các doanh nghiệp viễn thông để thực hiện, triển khai thanh toán với các giao dịch có giá trị nhỏ thông qua tài khoản viễn thông.	Doanh nghiệp bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông.	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
2	Khuyến khích các hội, hiệp hội doanh nghiệp thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, phổ biến, cập nhật các xu hướng chuyển đổi số, mô hình, giải pháp công nghệ số trong lĩnh vực chuyên ngành, tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, đặc biệt là kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu cho người lao động.	Các tổ chức hội, hiệp hội doanh nghiệp		
III	Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số			
1	Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics			
1.1	Hệ thống thu phí đường bộ	Đơn vị, doanh nghiệp khai thác đường bộ (BOT	Sở GTVT, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố	
1.2	Ứng dụng hệ thống, nền tảng quản lý về kho bãi phục vụ vận tải và logistics.	Các đơn vị vận tải, kho bãi	Sở GTVT, Kế hoạch & Đầu tư, TT&TT	
2	Lĩnh vực năng lượng và sản xuất công nghiệp			
2.1	Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả. Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất điện năng.	Công ty Điện lực Lai Châu	Sở Công thương; UBND các huyện, thành phố	
2.2	Cung cấp các dịch vụ số trên môi trường mạng, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh.	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	
2.3	Xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động, thí điểm triển khai mô hình nhà máy thông minh.	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động Thương binh và Xã hội	